

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **35/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 16/01/2025.
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền.
2. Ông Tường Duy Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Văn Yển, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Vì Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện M, tỉnh S, có mặt.

- Bị đơn: Anh **Trần Hải L**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn M, huyện M, tỉnh S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 07/10/2024, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Vì Thị T trình bày:

Chị T và anh L kết hôn với nhau vào ngày 10/4/2017. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn chị T và anh L sống với bố mẹ anh L tại tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Cuộc sống vợ chồng hoà Thuận, hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh L hay có hành vi bạo hành gây tổn thương cho chị về tinh thần và thể xác, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không đạt kết quả, hiện nay chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2024, và sống ly thân với anh L từ đó, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Quá trình sinh sống chị và anh L có với nhau 03 con chung là cháu Trần Tùng A, sinh ngày 17/8/2017, cháu Trần Phạm bảo A, sinh ngày 21/3/2019, cháu Trần Bảo A, sinh ngày 21/7/2023.

Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn, chị xin nuôi cả 3 cháu, không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Chị sẽ tự thỏa thuận phân chia với anh L, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Về án phí: Chị T xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị T. Xử cho chị Vì Thị T được ly hôn với anh Trần Hải L.

2. Về con chung: Giao cho chị Vì Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Tùng A, sinh ngày 17/8/2017 và cháu Trần Bảo A, sinh ngày 21/7/2023, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cho anh Trần Hải L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Phạm Bảo A, sinh ngày 21/3/2019, đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Trần Hải L do chị T chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về tài sản chung: Chị Vì Thị T không kê khai và đề nghị giải quyết nên không giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị Vì Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Hải L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị T đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, T thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng của Tòa án tiểu khu đến giao cho anh L, do anh L làm nghề tự do không gặp được, tiểu khu đã giao cho mẹ đẻ anh L, nhưng mẹ đẻ anh L không nhận.

Vào các ngày 17/12/2024 và ngày 23/12/2024. Đại diện Tòa án cùng lãnh đạo tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu đã trực tiếp đến nhà anh Trần Hải L, đã gặp anh L, đã giao các văn bản Tố tụng cho anh L, nhưng anh L từ chối nhận các văn bản Tố tụng của Tòa án.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Trần Hải L cố tình không nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn với nhau từ ngày 10/4/2017, có được tìm hiểu việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến tháng 4 năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, anh L hay có hành vi bạo hành gây tổn thương cho chị T về tinh thần và thể xác, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình giải quyết nhưng không đạt kết quả, hiện nay chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2024, và sống ly thân với anh L từ đó, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Mặc dù anh L cố ý né tránh không chịu hợp tác làm việc cùng Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn của chị T, nhưng qua quá trình làm việc và xác minh xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vì Thị T và xử cho chị Vì Thị T được ly hôn với anh Trần Hải L.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh L có với nhau 03 con chung là cháu Trần Tùng Anh, sinh ngày 17/8/2017, cháu Trần Phạm Bảo Anh, sinh ngày 21/3/2019, cháu Trần Bảo An, sinh ngày 21/7/2023.

Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn, chị xin nuôi cả 3 cháu, không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị.

Xét thấy: Một mình chị T nuôi cả 3 cháu là khó có thể đảm bảo cho các cháu, hơn nữa từ khi chị T và anh L ly thân cháu Trần Phạm Bảo Anh vẫn đang do anh L nuôi dưỡng chăm sóc. Để quyền lợi của các cháu được bảo đảm, cũng như trách nhiệm của bố, mẹ với các con cần giao cho chị Vì Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Tùng Anh và cháu Trần Bảo An, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cho anh Trần Hải L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Phạm Bảo Anh, đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Trần Hải L do chị T chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Do chị Vì Thị T không kê khai và đề nghị giải quyết, nên không giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vì Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Vì Thị T được ly hôn với anh Trần Hải L.

2. Về con chung:

Giao cho chị Vì Thị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Phạm Bảo A, sinh ngày 21/3/2019 và cháu Trần Bảo A, sinh ngày 21/7/2023, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cho anh Trần Hải L trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trần Tùng A, sinh ngày 17/8/2017, đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Trần Hải L do chị T chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Chị Vì Thị T không kê khai và đề nghị giải quyết nên không giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vì Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002193 ngày 01/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

